

PHỤ LỤC PHÁP LÝ

1. Đăng ký kinh doanh
2. Giấy chứng nhận đầu tư
3. Giấy tờ môi trường: Quyết định phê duyệt ĐTM, giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.
4. Hợp đồng thu gom chất thải
5. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
6. Các giấy tờ khác: PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 1000383611

Đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 07 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 17, ngày 15 tháng 08 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NGŨ KIM
FORTRESS VIỆT NAM**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **VIETNAM FORTRESS TOOLS JSC**

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Lô B8+B9+B10, Khu công nghiệp Phúc Khánh, Phường Vũ Phúc, Tỉnh Hưng Yên,
Việt Nam*

Điện thoại: 02273.618.991

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ: 268.078.350.000 đồng.

*Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tám tỷ không trăm bảy mươi tám triệu ba
trăm năm mươi nghìn đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 26.807.835

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: **TSAI, CHUI - TIEN**

Giới tính: **Nam**

Ngày, tháng, năm sinh: **20/02/1942**

Quốc tịch: **Trung Quốc (Đài Loan)**

Hộ chiếu nước ngoài: **367553720**

Ngày cấp: **20/12/2024**

Nơi cấp: **Bộ Ngoại giao Trung Hoa Dân Quốc**

Chức danh: **Chủ tịch hội đồng quản trị**

**Địa chỉ liên lạc: Công ty cổ phần Khai Phát Đài Tín, đường Ngô Gia Khảm, khu công
nghiệp Phúc Khánh, Phường Vũ Phúc, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam**

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Thị Phương

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 4304315420

Chứng nhận lần đầu: Ngày 14 tháng 7 năm 2010

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ mười bốn: Ngày 12 tháng 9 năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; số 239/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính): số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1905/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Văn bản số 473/UBND-NC ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4304315420 do Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh cấp lần đầu ngày 14 tháng 7 năm 2010, chứng nhận thay đổi lần thứ mười ba ngày 26 tháng 12 năm 2024;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty cổ phần công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam nộp ngày 08 tháng 9 năm 2025;

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch, Đầu tư tại Báo cáo số 110/BC-KHĐT ngày 12 tháng 9 năm 2025.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH

Chứng nhận:

DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT DỤNG CỤ CẦM TAY, ĐỒ NGOẠI THẤT SÂN VƯỜN, ĐỒ NGŨ KIM; mã số dự án 4304315420 do Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh cấp chứng nhận lần đầu ngày 14/7/2010, chứng nhận điều chỉnh lần thứ mười ba ngày 26/12/2024; được đăng ký điều chỉnh: Cập nhật thông tin Nhà đầu tư, địa điểm thực hiện dự án, điều chỉnh mục tiêu dự án, quy mô công suất và diện tích đất sử dụng.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000383611 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 14/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 15/8/2025.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô B8+B9+B10, Khu công nghiệp Phúc Khánh, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ tên: Tsai, Chui-Tien; Giới tính: Nam; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Ngày sinh: 20/02/1942; Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan); Hộ chiếu số: 367553720; Ngày cấp: 20/12/2024; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Trung Quốc (Đài Loan); Địa chỉ thường trú: Số 32, phố Văn Xương, ấp 13, phường Văn Xương, khu Thanh Thủy, thành phố Đài Trung, Trung Quốc (Đài Loan); Địa chỉ liên lạc: Công ty cổ phần Khai Phát Đài Tín, đường Ngô Gia Khảm, Khu công nghiệp Phúc Khánh, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án: DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT DỤNG CỤ CẦM TAY, ĐỒ NGOẠI THẤT SÂN VƯỜN, ĐỒ NGŨ KIM.

2. Mục tiêu dự án:

TT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành	Mã ngành theo VSIC
1	Sản xuất, gia công thành phẩm, bán thành phẩm dụng cụ làm vườn (đầu cào, đầu cuốc, đầu xẻng, lưỡi cưa, lưỡi kéo, dụng cụ hái quả, dụng cụ xới đất, kéo cắt tỉa cây, cào, cuốc, xẻng, xe kéo...) và các sản phẩm kim loại khác (ống sắt, ống thép, thang gấp,...)	Đúc sắt, thép	2431
		Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
		Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
		Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
2	Sản xuất, gia công sản phẩm nhựa (bán thành phẩm, thành phẩm dụng cụ	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

	làm vườn bằng nhựa và các sản phẩm khác bằng nhựa)		
3	Sản xuất, gia công dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
4	Sản xuất, gia công đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; Sản xuất, gia công các sản phẩm đinh vít; Sản xuất, gia công bu lông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; Sản xuất, gia công lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như: Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo; Sản xuất, gia công bếp nướng và dụng cụ nhà bếp các loại bằng kim loại; Sản xuất, gia công các loại kệ, giá bằng kim loại; Sản xuất, gia công đồ ngoại thất sân vườn; Sản xuất, gia công khuôn	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
5	Sản xuất, gia công ghế và chỗ ngồi trong vườn; Sản xuất đồ đặc cho phòng ngủ, phòng khách, vườn	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
6	Sản xuất, gia công các chi tiết và thiết bị cho thể thao, cho các cuộc thi đấu trong nhà và ngoài trời, bằng mọi chất liệu (trừ các loại Nhà nước cấm)	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230

3. Quy mô dự án:

* Công suất thiết kế (Năm sản xuất ổn định):

- Công suất sản phẩm sắt thép: 4.800 tấn/năm (trong đó sản phẩm mạ: 680 tấn/năm, sản phẩm sơn: 4.120 tấn/năm).

- Công suất sản phẩm bằng các kim loại khác (không có mạ): 2.200 tấn/năm.

- Công suất sản phẩm nhựa: 800 tấn/năm.

(Quy mô, công suất mạ điện của dự án không thay đổi).

* Quy mô kiến trúc xây dựng: 01 nhà điều hành (03 tầng), 04 nhà xưởng và các công trình phụ trợ (nhà ăn, nhà bảo vệ, nhà để xe...).

* Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Sản phẩm làm bằng sắt, thép: Thành phẩm, bán thành phẩm dụng cụ làm vườn (đầu cào, đầu cuốc, đầu xẻng, lưỡi cưa, lưỡi kéo, dụng cụ hái quả, dụng cụ xới đất, cào, cuốc, xẻng, xe kéo...) và các sản phẩm kim loại khác (ống sắt, ống thép, thang gấp,...); Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng (Kéo,

dùi, dụng cụ hót rác...); Ghế, chỗ ngồi trong vườn và đồ ngoại thất sân vườn (hàng rào trang trí, giá để cây, vòm hoa leo...), khuôn kim loại, đồ thể thao (thang ngồi dùng cho săn bắn, thang dùng cho săn bắn...); đồ gia dụng bằng kim loại (bếp nướng; các loại kệ, giá bằng kim loại và dụng cụ nhà bếp các loại bằng kim loại...); đồ đạc cho phòng ngủ, phòng khách (giá treo đèn ngủ, tủ, giường, bàn, ghế...); các chi tiết bằng kim loại (đỉnh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; các sản phẩm đỉnh vít; bu lông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như: Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo).

- Sản phẩm bằng các kim loại khác: Sản phẩm dụng cụ làm vườn, đồ gia dụng bằng kim loại...

- Sản phẩm bằng nhựa (bán thành phẩm, thành phẩm dụng cụ làm vườn như: tay nắm kéo, tay cầm bằng nhựa, muôi xúc đất, xẻng xúc... và các sản phẩm khác bằng nhựa như xô, chậu, khay nhựa, giá để đồ...).

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô B8+B9+B10, khu công nghiệp Phúc Khánh và nhà xưởng thuê lại của Công ty TNHH Garden Pals tại Lô B6, khu công nghiệp Phúc Khánh, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

5. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 67.046,4 m², cụ thể:

- Diện tích đất sử dụng tại Lô B8+B9+B10, khu công nghiệp Phúc Khánh: 52.320 m²

- Thuê toàn bộ nhà xưởng và các công trình phụ trợ của Công ty TNHH Garden Pals trên diện tích đất 14.726,4 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 622.297.000.000 VNĐ (Sáu trăm hai mươi hai tỷ, hai trăm chín mươi bảy triệu đồng Việt Nam), tương đương 29.630.000 USD (Hai mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đô la Mỹ), trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án: 99.949.800.000 VNĐ (Chín mươi chín tỷ, chín trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm nghìn đồng Việt Nam), tương đương 5.100.000 USD (Năm triệu, một trăm nghìn đô la Mỹ), chiếm 16,06% tổng vốn đầu tư. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	Công ty cổ phần công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam	99.949.800.000	5.100.000	100	Tiền mặt	Theo tiến độ tại mục 8.1

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư: 60.237.000.000 VNĐ (Sáu mươi tỷ, hai trăm ba mươi bảy triệu đồng Việt Nam), tương đương 2.619.000 USD (Hai triệu, sáu trăm mười chín nghìn đô la Mỹ), chiếm 9,68% tổng vốn đầu tư.

- Vốn huy động: 462.110.200.000 VNĐ (Bốn trăm sáu mươi hai tỷ, một trăm mười triệu, hai trăm nghìn đồng Việt Nam), tương đương 21.911.000 USD (Hai mươi mốt triệu, chín trăm mười một nghìn đô la Mỹ), chiếm 74,26% tổng vốn đầu tư.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến hết ngày 31/12/2052.

8. Tiến độ thực hiện dự án

8.1. Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ góp vốn: Đã hoàn thành góp vốn.

- Tiến độ huy động vốn: Theo tiến độ thực hiện dự án.

8.2. Tiến độ đầu tư xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành: Dự án hoàn thành đầu tư và đi đưa toàn bộ dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh: Từ tháng 10/2022.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

- Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của Nhà nước và của tỉnh.

- Nhà đầu tư tự xác định ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định và làm thủ tục hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về địa điểm thực hiện Dự án; tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ đăng ký đầu tư và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các nội dung đã cam kết trong hồ sơ đăng ký đầu tư; tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, quy hoạch, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, lao động, phòng cháy chữa cháy, nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sản xuất, bảo đảm an ninh trật tự và các quy định của pháp luật liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án; không lợi dụng nguồn gốc xuất xứ hàng hóa để chuyển giá, gian lận thương mại; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện dự án đầu tư theo quy định; chịu sự giám sát, đánh giá việc thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4304315420 do Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh cấp chứng nhận điều chỉnh lần thứ mười ba ngày 26/12/2024. Nhà đầu tư nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4304315420 chứng nhận điều chỉnh lần thứ mười ba ngày 26/12/2024 về Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh để lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc: Nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng, đơn vị thuộc Ban;
- Lưu: VT, KHĐT.

TRƯỞNG BAN



Vũ Kim Cứ



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 4304315420

Chứng nhận lần đầu: ngày 14 tháng 7 năm 2010

Chứng nhận thay đổi lần thứ chín: ngày 22 tháng 5 năm 2018

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1905/QĐ-TTg ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 4304315420 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình (nay là Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình) cấp lần đầu ngày 14/7/2010, thay đổi lần thứ tám ngày 13/6/2017;

Căn cứ bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty Cổ phần công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam nộp ngày 09/5/2017,

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 13/BC-QLĐT ngày 22/5/2018 và đề nghị của Phòng Quản lý đầu tư,

**BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH THÁI BÌNH**

Chứng nhận:

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT DỤNG CỤ CÀM TAY, ĐỒ
NGOẠI THẤT SÂN VƯỜN, ĐỒ NGŨ KIM;**

Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: 4304315420 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 14/7/2010, thay đổi lần thứ tám ngày 13/6/2017;

Được đăng ký điều chỉnh: Nhà đầu tư, mục tiêu, quy mô dự án và vốn đầu tư.

Nhà đầu tư: (Nội dung điều chỉnh lần 9)

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NGŨ KIM
FORTRESS VIỆT NAM.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 1000383611
do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 14/7/2010, thay đổi
lần thứ 12 ngày 28/12/2017.

Trụ sở chính: Lô B8+B9+B10, Khu công nghiệp Phúc Khánh, phường Phú
Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông: HSU, TING - HSIN; Sinh ngày: 02/05/1967;

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc;

Quốc tịch: Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan).

Hộ chiếu số: 302083989.

Ngày cấp: 20/9/2010; Nơi cấp: Bộ ngoại giao Trung Hoa Dân Quốc.

Địa chỉ thường trú: No.22, SEC.2, YEN-HAI ROAD, FU-HSING HSIANG,
CHANGHUA, TAIWAN, CHINA.

Chỗ ở hiện tại: Lô B8+B9+B10, Khu công nghiệp Phúc Khánh, phường Phú
Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT DỤNG CỤ
CÀM TAY, ĐỒ NGOẠI THẤT SÂN VƯỜN, ĐỒ NGŨ KIM.

2. Mục tiêu dự án: (Nội dung điều chỉnh lần 9)

- + Đúc sản phẩm sắt bán thành phẩm;
- + Rèn, dập, ép, cán kim loại;
- + Mạ, đánh bóng kim loại;
- + Phun cát, trộn, làm sạch kim loại;
- + Nhuộm màu, chạm, in kim loại;
- + Phủ á kim như: Tráng men, sơn mài;
- + Mài, đánh bóng kim loại;
- + Khoan, tiện, nghiền, mài, bào, đục, cưa, đánh bóng, hàn nối... các phần của khung kim loại;

- + Cắt hoặc vít lên kim loại bằng các phương tiện tia lazer;
- + Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- + Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự;
- + Sản xuất các sản phẩm đinh vít;
- + Sản xuất bu lông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự;
- + Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như: lò xo lá; lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc; lá cho lò xo;
- + Sản xuất ghế và chỗ ngồi trong vườn;
- + Sản xuất đồ đạc trong phòng ngủ, phòng khách, vườn.
- + Sản xuất các chi tiết và thiết bị cho thể thao, cho các cuộc thi đấu trong nhà và ngoài trời, bằng mọi chất liệu (trừ các loại Nhà nước cấm).
- + Sản xuất đồ chơi, trò chơi bằng gỗ (trừ chế biến gỗ, không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội).

3. Quy mô dự án (*Nội dung điều chỉnh lần 9*): Công suất thiết kế: 2.450 tấn/năm tương đương 21,5 triệu sản phẩm/năm. Chi tiết:

Công suất sản phẩm sắt thép: 1.500 tấn/năm.

Công suất sản phẩm nhựa: 500 tấn/năm.

Công suất sản phẩm đồ chơi bằng gỗ: 450 tấn/năm tương đương 1,5 triệu sản phẩm/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô B8+B9+B10, Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam.

5. Diện tích đất sử dụng: 52.320 m².

6. Vốn đầu tư thực hiện dự án (*Nội dung điều chỉnh lần 9*):

6.1. Tổng vốn đầu tư: 421.507.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi một tỷ, năm trăm linh bảy triệu đồng Việt Nam) tương đương 20.900.000 USD (Hai mươi triệu chín trăm nghìn đô la Mỹ).

- Vốn cố định: 286.548.321.000 đồng (Hai trăm tám mươi sáu tỷ, năm trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm hai mươi một nghìn đồng Việt Nam), tương đương 14.366.667 USD (Mười bốn triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đô la Mỹ).

- Vốn lưu động: 134.958.679.000 đồng (Một trăm ba mươi bốn tỷ, chín trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng Việt Nam), tương đương 6.533.333 USD (Sáu triệu năm trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đô la Mỹ).

6.2. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn tự có: 99.949.800.000 đồng (Chín mươi chín tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng Việt Nam) tương đương với 5.100.000 USD (Năm triệu một trăm nghìn đô la Mỹ).

- Vốn huy động: 321.557.200.000 đồng (Ba trăm hai mươi một tỷ, năm trăm năm mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng Việt Nam) tương đương 15.800.000 USD (Mười lăm triệu tám trăm nghìn đô la Mỹ).

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến hết ngày 31/12/2052.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

Đã hoàn thành việc đầu tư và chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2007.

Điều 2: Các ưu đãi đối với dự án:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 10% (mười phần trăm) được áp dụng trong 15 (mười lăm) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và 25% (hai mươi lăm phần trăm) trong những năm tiếp theo;

- Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 (bốn) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp cho 09 (chín) năm tiếp theo;

- Doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu theo quy định tại Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Điều 16 Nghị định 149/2005/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm;

- Trường hợp nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng, nguyên liệu dùng trong quá trình sản xuất phải tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam.

Điều 3: Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án.

- Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư chịu sự kiểm tra giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thực hiện các hoạt động báo cáo theo quy định tại Điều 71 Luật đầu tư số 67/2014/QH13.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường, các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đa phương và song phương mà Việt Nam đã ký kết và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4304315420 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình điều chỉnh lần thứ tám ngày 13/6/2017. Công ty Cổ phần Công nghiệp Ngũ kim Fortress Việt Nam nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4304315420 cấp điều chỉnh lần thứ tám ngày 13/6/2017 về Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp để lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc: 01 (một) bản cấp cho Nhà đầu tư, 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN
THƯƠNG TRỰC**



Khúc Văn Lượng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1236 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 09 tháng 6 năm 2009

TIẾP NHẬN CÔNG VĂN	
SỐ:	<u>860</u>
NGÀY:	<u>10</u> THÁNG <u>6</u> NĂM <u>2009</u>

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án
“đầu tư xây dựng Nhà máy ngũ kim tại khu công nghiệp Phúc Khánh,
thành phố Thái Bình”**

CÔNG VĂN ĐẾN

SỐ: 28
GÀY: 11 THÁNG 6 NĂM 2009

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Công nghiệp ngũ kim Formosa tại Văn bản số 18/CV-Cty ngày 28/8/2008 kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “đầu tư xây dựng Nhà máy ngũ kim tại khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình”; của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 73/TTr-STNMT ngày 25/5/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “đầu tư xây dựng Nhà máy ngũ kim tại khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình” (dưới đây gọi là Dự án) do Công ty TNHH Công nghiệp ngũ kim Formosa làm chủ đầu tư (dưới đây gọi là Chủ dự án).

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Về xử lý chất thải trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Nhà máy:

- Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP

11/6/09
Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ngày 03/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn; thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý các loại chất thải nguy hại theo quy định tại Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Xử lý tiếng ồn đạt TCVN 5949-1998;
- Xử lý các loại khí thải và bụi đạt TCVN 5938-2005, TCVN 5939-2005, TCVN 5940-2005;
- Thu gom và xử lý nước thải sản xuất đạt TCVN 5945-2005, cột C trước khi xả thải vào hệ thống xử lý nước thải chung của Khu CN Đài Tín; Công ty cổ phần hữu hạn phát triển KCN Đài Tín có trách nhiệm xử lý nước thải của KCN Phúc Khánh đạt TCVN 5945-2005, cột A; trước khi thải vào hệ thống công trình thủy lợi.

2. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn thi công và giai đoạn dự án đi vào hoạt động như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát môi trường của dự án phải được cập nhật, lưu trữ và báo cáo với Sở Tài nguyên và Môi trường theo định kỳ 2 lần/năm;

3. Diện tích cây xanh đạt từ 15% trở lên trong tổng diện tích đất của Dự án.

4. Sau khi thiết kế chi tiết các công trình xử lý môi trường theo dự án đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có báo cáo bằng văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về kế hoạch xây lắp (kèm theo hồ sơ thiết kế chi tiết của các công trình xử lý môi trường) và kế hoạch vận hành thử nghiệm để giám sát, kiểm tra; Khi kết thúc việc vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và đề nghị xác nhận kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý môi trường gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra xác nhận.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Trường hợp có những thay đổi về nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND Thành phố Thái Bình, Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình, Giám đốc Công ty cổ phần hữu hạn phát triển KCN Đài Tín và Giám đốc Công ty TNHH Công nghiệp Formosa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *AL*

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NN, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Ca
Phạm Văn Ca



QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh một số nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy ngũ kim tại Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường;

Quyết định số Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 09/6/2009 của UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy ngũ kim tại Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình”;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Formosa Việt Nam tại Tờ trình số 01/TT-DTM ngày 10/10/2016;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1983 /STNMT-CCBVM ngày 07/11/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy ngũ kim tại Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình” được phê duyệt tại Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 09/6/2009 do Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Formosa Việt Nam làm Chủ dự án; cụ thể như sau:

- Đầu tư phân xưởng mạ trên diện tích đất 500 m² thuê lại của Công ty Garden Pals (không có công đoạn mạ cyanua).

- Bổ sung loại hình sơn tĩnh điện ướt, 12 máy phun tạo hình nhựa và 09 máy nghiền nhựa.

- Thay đổi chương trình giám sát môi trường:

+ Bổ quan trắc giám sát nước mặt;

+ Thay đổi quan trắc giám sát môi trường không khí thành quan trắc giám sát chất lượng khí thải như sau:

Tại 04 ống khói sau xử lý khí thải của dây chuyền sơn; thông số giám sát: Benzen, Tuluene, xylen, n-butyl axetat, etyl axetat;

01 ống khói sau xử lý khí thải của dây chuyền mạ; thông số giám sát: HCl, H₂SO₄, HNO₃.

Quy chuẩn so sánh: cột B QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT.

Điều 2. Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Formosa Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các nội dung khác của Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy ngũ kim tại Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình” tại Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 09/6/2009 và nội dung nêu tại điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Formosa Việt Nam.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình, Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan và Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Formosa Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.../

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NNTNMT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

BHO CHỦ TỊCH



Phạm Văn Xuyên

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án
“Đầu tư Nhà máy Sản xuất dụng cụ cầm tay, đồ ngoại thất sân vườn, đồ
ngũ kim” tại Khu Công nghiệp Phúc Khánh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư nhà máy Sản xuất dụng cụ cầm tay, đồ ngoại thất sân vườn, đồ ngũ kim” họp ngày 28/11/2018 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 07/2019/FTVN ngày 22/4/2019 của Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 154/TTr-STNMT ngày 04/4/2019 và Công văn số 1027/STNMT-CCBVMT ngày 06/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư nhà máy Sản xuất dụng cụ cầm tay, đồ ngoại thất sân vườn, đồ ngũ kim” được lập bởi Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam (là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Phần đã đầu tư: Sản xuất dụng cụ cầm tay, đồ ngoại thất sân vườn, đồ ngũ kim công suất 2.000 tấn/năm tương đương 20.000.000 sản phẩm/năm (sắt thép 1.500 tấn/năm; nhựa 500 tấn/năm).

Đầu tư phân xưởng mạ trên diện tích đất 500m² thuê lại của Công ty Garden Pals (không có mạ cyanua).



- Phần đầu tư bổ sung: Sản xuất đồ chơi bằng gỗ công suất 450 tấn/năm tương đương 1,5 triệu sản phẩm/năm.

Diện tích khu đất thực hiện Dự án là 52.320 m² tại Lô B8+B9+B10 Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án.

2.1. Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.2. Thu gom, xử lý sơ bộ nước thải, đầu nối về trạm xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Khai phát Đài Tín để xử lý đạt quy chuẩn quy định.

2.3. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ Dự án đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT cột B, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT.

2.4. Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT, các Quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan và các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

2.5. Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường.

2.6. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn thi công và giai đoạn Dự án đi vào hoạt động như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; số liệu giám sát môi trường của Dự án phải được cập nhật, lưu giữ và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường định kỳ theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại các Thông tư sau: Số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29/9/2015 về báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường, số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Các yêu cầu về bảo vệ, quản lý và giám sát môi trường đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 2. Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam có trách nhiệm:

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

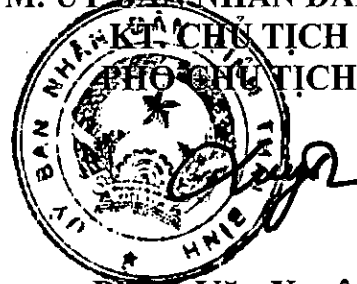
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế và Các khu công nghiệp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình, Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan và Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm HCC cấp tỉnh;
- Lưu VT, NNTNMT. *truu*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Phạm Văn Xuyên



Số: *04* /GXN-STNMT

Thái Bình, ngày *27* tháng 4 năm 2017

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy ngũ kim tại Khu công nghiệp Phúc Khánh
thành phố Thái Bình”

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI BÌNH
XÁC NHẬN:

I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:

Tên chủ dự án: Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam.

Địa chỉ văn phòng: KCN Phúc Khánh, phân khu Đài Tín, thành phố Thái Bình.

Địa điểm hoạt động: KCN Phúc Khánh, phân khu Đài Tín, thành phố Thái Bình.

Điện thoại: 0363.618.991

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 1000383611;
đăng ký lần đầu ngày 14/7/2010, thay đổi lần thứ mười ngày 24/12/2016; Nơi cấp: Sở
Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1236/QĐ-UBND
ngày 09/6/2009 của UBND tỉnh Thái Bình; Quyết định chấp thuận thay đổi nội dung
báo cáo đánh giá tác động môi trường số 3314/UBND-NNTNMT 17/11/2016.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành
của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy ngũ kim tại Khu công nghiệp Phúc Khánh thành
phố Thái Bình (tài Phụ lục kèm theo).

III. Trách nhiệm của chủ dự án:

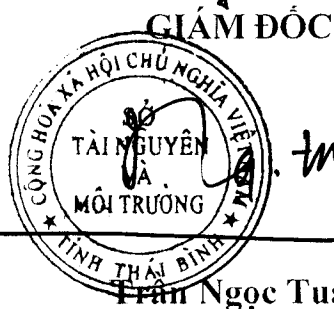
Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận
hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2 của
Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường
và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

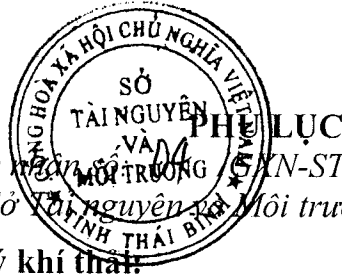
IV. Tổ chức thực hiện:

Giấy xác nhận này là căn cứ để chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức; là
căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật
về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND thành phố;
- Ban QLCKCN tỉnh;
- Công ty CPCN NK Fortress VN;
- Lưu: VT, CCBVMT.





(Kèm theo Giấy xác nhận số *04* /CN-STNMT ngày *27* tháng 4 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình)

1. Công trình xử lý khí thải:

- Sử dụng phương pháp mài ướt, đầu tư hệ thống buồng thu bụi mài khô dạng hộp sắt dài 35 m, rộng 1 m, cao 2,2 m bên trên bố trí các cửa thu bụi; đầu tư máy đánh bóng bằng phương pháp phun cát trong buồng kín tích hợp đồng bộ hệ thống lọc bụi tay áo đường kính 125 – 250 mm thu hồi bụi cát, rỉ sắt.

- Sử dụng hạt nhựa nguyên sinh, quy trình sản xuất sản phẩm bằng máy ép nhựa kín giảm thiểu phát sinh mùi.

- Đầu tư hệ thống buồng phun sơn tích hợp hệ thống quạt hút, màng nước và than hoạt tính xử lý khí thải, bụi từ quá trình phun sơn tĩnh điện ướt, khô.

- Đầu tư hệ thống xử lý khí thải khu vực mạ bao gồm buồng chụp, quạt hút, tháp lọc khí thải bên trong chứa quả cầu lọc đường kính 50 mm, hệ thống phun sương, máng điều chỉnh pH kích thước 3×1,2×1 m và 3×0,2×1 m, hệ thống điều chỉnh pH tự động.

Tại thời điểm cấp Giấy xác nhận, chất lượng khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT cột B và QCVN 20:2009/BTNMT..

2. Công trình xử lý nước thải.

2.1. Mạng lưới thoát nước mưa, thu gom nước thải.

- Nước mưa được thu gom từ mái nhà qua các ống dẫn PVC (ống đứng) đường kính Ø 110 chảy xuống rãnh thu gom trên mặt đất đường kính lần lượt 300, 400, 600, 800 mm, tổng chiều dài hệ thống thoát nước mưa 629 m, trên toàn hệ thống bố trí các hố ga kích thước 80×80 cm và 100×100 cm sau đó thoát ra hệ thống thoát nước mặt của KCN.

- Nước sinh hoạt: Thu gom bằng hệ thống ống nhựa PVC đường kính 110 mm dẫn điểm đầu nối H3 dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Khai Phát Đài Tín.

- Nước thải sản xuất: Nước thải từ công đoạn mạ thu gom bằng hệ thống ống PVC đường kính 110 mm về trạm xử lý sau đó bơm đẩy ra hố ga đầu nối H5 bằng hệ thống ống đường kính 90 mm dài 220 m; nước thải sơn được bơm đẩy ra hố ga H3 bằng hệ thống ống đường kính 90 mm dài 200 m.

2.2. Công trình xử lý nước thải.

- Nước thải sinh hoạt: Đầu tư hệ thống 07 bể tự hoại tổng thể tích 61 m³ xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt sau đó đầu nối về hố ga H3 dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Khai Phát Đài Tín để xử lý đạt quy chuẩn quy định.

- Nước thải sản xuất: Đầu tư trạm xử lý sơ bộ nước thải mạ công nghệ Hóa lý, công suất 100 m³/ngày đêm, nước thải sau xử lý được bơm ra hố ga H5; xây dựng bể lắng nước thải kích thước 2,5×2×1 m xử lý sơ bộ nước thải tuần hoàn tái sử dụng, định kỳ bơm ra hố ga H3; nước thải từ quá trình mài ướt được thu gom bằng hố thu 3 ngăn

kích thước 1,2×0,8×0,4 m sau đó dẫn về bể chứa ngầm kích thước 4,8×2,4×1,6 m tuần hoàn tái sử dụng.

- Hợp đồng dịch vụ thu gom và xử lý nước thải số 03/XLNT ngày 02/5/2015 với Công ty TNHH Khai Phát Đài Tín để xử lý nước thải phát sinh đạt quy chuẩn quy định.

3. Công trình xử lý, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Đầu tư các thùng chứa đặt tại khu vực văn phòng, nhà ăn ca công nhân lưu giữ tạm thời chất thải sinh hoạt; hợp đồng với Công ty TNHH Khai Phát Đài Tín và Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Thái Bình vận chuyển, xử lý theo Hợp đồng thu gom vận chuyển chất thải sinh hoạt số 201603/QI-HĐTGR ngày 01/01/2017.

- Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải rắn sản xuất thông thường diện tích 40 m² thực hiện phân loại tại nguồn, một phần tái sử dụng phần còn lại bán phế liệu; tại thời điểm cấp Giấy xác nhận hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC thu gom, xử lý theo Hợp đồng số 09/HĐKT/ETC-Fortress ngày 05/01/2017.

- Đầu tư khu lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại diện tích khoảng 20 m²; tại thời điểm cấp Giấy xác nhận Công ty ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật tài nguyên môi trường ETC vận chuyển, xử lý tại Hợp đồng kinh tế số 49/2017/HĐKT/ETC-Fortress ngày 07/3/2017.

3. Công trình bảo vệ môi trường khác:

Đầu tư các công trình, biện pháp phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định được Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy – Công An tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 21/TD-PCCC(PC66) ngày 25/6/2013, thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung, vệ sinh công nghiệp thường xuyên.

4. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ sau đây được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: “Kèm theo Giấy xác nhận số /GXN-STNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần 1 ngày tháng năm 2017”.

5. Yêu cầu khác:

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty Cổ phần công nghiệp ngũ kim FORTRESS Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1000383611, do Phòng Đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình, cấp đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 7 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 31 tháng 5 năm 2018

Địa chỉ: Lô B8+B9+B10, khu công nghiệp Phúc Khánh, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

CK 895033



6 5

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 631, tờ bản đồ số: 19
b) Địa chỉ: Khu công nghiệp Phúc Khánh, xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
c) Diện tích: 52.320,0 m² (bằng chữ: Năm mươi hai nghìn ba trăm hai mươi mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp (Đầu tư nhà máy sản xuất dụng cụ cầm tay, đồ ngoại thất sân vườn, đồ ngũ kim)
e) Thời hạn sử dụng: Đến hết ngày 31/12/2052
g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền một lần của Doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
(1) Nhà bảo vệ, nhà chờ	88,5	88,5	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
(2) Nhà điều hành	323	969	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
(3) Nhà ở chuyên gia	271	813	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
(4) Nhà ở và làm việc	300	600	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
(5) Nhà ăn công nhân	1000	1000	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
(6) Trạm biến áp	100	100	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
(7) Nhà đánh bóng nhôm	1173	1173	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
(8) Nhà xưởng số 1	10260	10260	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
(9) Nhà xưởng số 2	8640	8640	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
(10) Nhà xưởng số 3	12271,5	12988,1	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.

Thái Bình, ngày 18 tháng 12 năm 2018

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI BÌNH
GIÁM ĐỐC



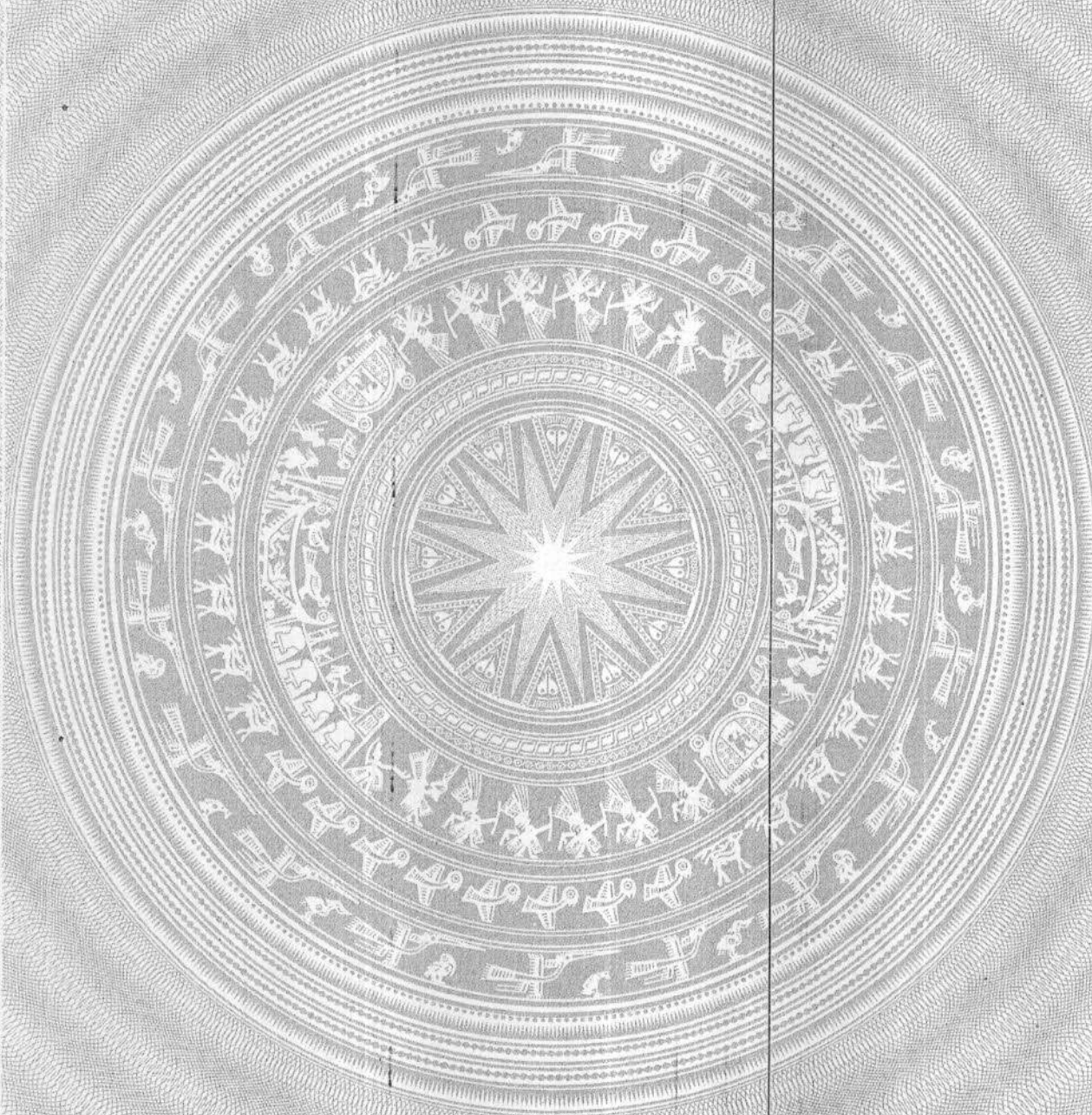
Nguyễn Xuân Khánh

Số vào sổ cấp GCN: 08 03688

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý



Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền



Căn theo giấy chứng nhận này có biên bản số 01

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



3 4 1 2 4 6 3 1 8 0 0 1 5 6 5



TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số:

631

Tờ bản đồ số:

19

Số phát hành GCN: CK 895033

Số vào sổ cấp GCN: "CS"03688

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Đã thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam-chi nhánh Thái Bình, địa chỉ: Lô 40, tổ 16, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, theo các hợp đồng thế chấp số: TBH2015/021/HĐTC ký ngày 08/8/2015; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong lai số: ĐANG 2015/037/HĐTC, ký ngày 07/12/2015 theo hồ sơ số ĐANG 2015/001  	Ngày 20 tháng 12 năm 2018 Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thái Bình  GIÁM ĐỐC Nguyễn Kiên Cường

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số:....01

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

(Chuyển tiếp Trang bổ sung số:....)

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT

- Căn cứ quyết định số 3125/QĐ-UB ngày 01 tháng 12 năm 2003 của UBND tỉnh Thái Bình về việc cho công ty CPHH phát triển KCN Đài Tín thuê đất để xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Phúc Khánh.
- Căn cứ vào luật đất đai số 13/2003-QH11 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI kỳ họp thứ 4 ngày 26 tháng 11 năm 2003.
- Căn cứ pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê đất tại Việt Nam do Chủ tịch nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14 tháng 10 năm 1994.
- Căn cứ vào nghị định số 11/CP ngày 24 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ và thông tư số 1124/TTĐC ngày 08 tháng 09 năm 1995 của Tổng cục Địa chính quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê đất tại Việt Nam.
- Căn cứ vào luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2000 và nghị định 24/2000/ND-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và nghị định 27/2003/ND-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003.
- Căn cứ nghị định 36/CP ngày 24 tháng 04 năm 1997 của Chính phủ về ban hành Quy chế khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.
- Căn cứ vào giấy phép số 2295A/GP do bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 08 tháng 09 năm 2003 quyết định thành lập Công ty CPHH phát triển Khu công nghiệp Đài Tín, đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
- Căn cứ vào giấy phép đầu tư số 02/GP-KCN-TB của Công ty TNHH công nghiệp ngũ kim Formosa Việt Nam do Ban quản lý Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình cấp ngày 24 tháng 3 năm 2006.

Hợp đồng này được ký ngày 25 tháng 3 năm 2006 giữa hai bên:

Bên cho thuê (Bên A): CÔNG TY CPHH PHÁT TRIỂN KCN ĐÀI TÍN

- Đ/c: Khu công nghiệp Phúc Khánh, Đ. Ngô Gia Khâm, T.p Thái Bình
- Điện thoại: 036-844419/ 845227
- Fax: 036-847108

- Người đại diện: Ông TSAI CHUI TIEN Chức vụ: Tổng giám đốc
 - MST: 1000337044
 - Số TK: 2311-13-14114 (USD) 2311-00-06085 (VND)
- Tại NH Chifon Chi nhánh Hà Nội

Bên thuê lại (Bên B): CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NGŨ KIM FORMOSA VIỆT NAM

- Người đại diện: HSU • CHING-TUN Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị
- Số hộ chiếu: 210376515 Quốc tịch: Đài Loan
- Địa chỉ: N0.22, SEC.2, YEN-HAI ROAD, FU-HSING HSIANG, CHANGHUA, TAIWAN
- Điện thoại: 886-4-7700210
- Fax: 886-4-7701813
- Số TK: 920-10-500665-1-1

Hai bên đã cùng thỏa thuận và đồng ý ký Bản hợp đồng thuê lại đất tại lô đất số B9, B10 trong KCN Phúc Khánh, T.p Thái Bình để xây dựng nhà máy của công ty TNHH công nghiệp ngũ kim FORMOSA Việt Nam với các điều khoản sau:

Điều 1: QUY ĐỊNH CHUNG

- 1.1 Bên A sẽ cho bên B thuê lại khu đất số B9, B10 có tổng diện tích là 26.155 m² tại khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, để đầu tư thành lập nhà máy sản xuất các sản phẩm như Giấy phép đầu tư số 02/GP-KCN-TB do Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh Thái Bình cấp ngày 24 tháng 3 năm 2006.
- 1.2 Việc cho thuê lại đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước Việt Nam đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.
- 1.3 Vị trí khu đất thuê lại được xác định trên sơ đồ kèm theo và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này.
- 1.4 Việc xây dựng các công trình trên khu đất thuê lại phải phù hợp với mục đích đã ghi trong điều 1 của hợp đồng này, phù hợp với giấy phép đầu tư.

Điều 2: CÁC ĐIỀU KIỆN CƠ BẢN

2.1 Thuê lại đất và thuê sử dụng cơ sở hạ tầng

2.1.1 Thời hạn cho thuê:

- Kể từ ngày ký kết Bản thỏa thuận giữ đất đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2052. Khi hết thời hạn thuê đất, nếu giấy phép đầu tư được gia hạn thì thời gian thuê đất và cơ sở hạ tầng được gia hạn tương ứng. Phí thuê đất và cơ sở hạ tầng cho thời gian gia hạn phải được thỏa thuận lại với bên A và phải được Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh Thái Bình chấp thuận.

2.1.2 Phí thuê đất và cơ sở hạ tầng

- Phí thuê đất và cơ sở hạ tầng được tính từ ngày hoàn thành việc xây dựng nhà máy (Thời gian xây dựng nhà máy trong vòng 06 (sáu) tháng.
- Phí thuê đất và cơ sở hạ tầng là 13 USD/m²/toàn bộ thời gian hoạt động (chưa bao gồm thuế VAT và phí san lấp đất sau này)

2.1.3. **Tổng số tiền thuê đất: 340,015 USD** (chưa bao gồm thuế VAT)

2.1.4. **Thời hạn thanh toán:**

- Kể từ ngày ký kết bản thỏa thuận giữ đất này, trong vòng 17 ngày, bên B phải thanh toán cho bên A số tiền là 34.001,5 USD, tương đương với 10% tổng số tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng và thuế giá trị gia tăng 10% là 3.400,15 USD, tổng cộng là **37.401,65 USD**.
- Sau khi nhận được giấy phép đầu tư do Ban quản lý Khu Công nghiệp tỉnh Thái Bình cấp, trong vòng 17 ngày, bên B phải thanh toán cho bên A số tiền là 136.006 USD, tương đương với 40% tổng số tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng và thuế giá trị gia tăng 10% là 13.600,6 USD, tổng cộng là **149.606,6 USD**.
- Trước khi bên A bàn giao đất cho bên B, bên B sẽ lập tức thanh toán toàn bộ một lần cho bên A số tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng còn lại là 170.007,5 USD và thuế giá trị gia tăng 10% là 17.000,75 USD, tổng cộng là **187.008,25 USD**.

1.1 Phí quản lý cơ sở hạ tầng

1.1.1 Mục đích

- Được sử dụng cho các nội dung: duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp như hệ thống giao thông, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cây xanh, an ninh trật tự, vệ sinh và chi phí quản lý khu công nghiệp.

1.1.2 Phí quản lý cơ sở hạ tầng

- Phí quản lý cơ sở hạ tầng: 0,033 USD/m²/ tháng (chưa bao gồm thuế VAT).
- Cứ 03 (ba) năm phí quản lý cơ sở hạ tầng sẽ được điều chỉnh một lần, mức điều chỉnh căn cứ theo tình hình điều chỉnh của vật giá và mức lương tại Việt Nam, đồng thời căn cứ vào diện tích thuê đất có giảm trừ.

1.1.3 Thanh toán phí quản lý cơ sở hạ tầng

- Kể từ ngày bản thỏa thuận giữ đất được ký kết sẽ tính phí quản lý cơ sở hạ tầng.
- Phí quản lý cơ sở hạ tầng của tháng trước sẽ được thanh toán vào trước mùng năm tháng sau.

1.2 Phí xử lý nước thải

1.2.1 Lưu lượng và chủng loại nước thải

- Lưu lượng nước thải sẽ được tính bằng 80% trên khối lượng nước sử dụng của công ty được tính trên chỉ số của đồng hồ cấp nước hàng tháng.
- Nếu bên B có nước thải công nghiệp độc hại thì phải được xử lý đạt tiêu chuẩn loại C trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải của bên A. Bên A sẽ xử lý nước thải đạt loại B trước khi thải ra ngoài. (Ghi chú: tiêu chuẩn nước thải loại B, loại C căn cứ theo quy định của nhà nước Việt Nam).

1.2.2 Phí xử lý nước thải

- Phí xử lý nước thải: 0,2 USD / m³ (chưa bao gồm thuế VAT).

- Cứ 03 (ba) năm phí xử lý nước thải sẽ được điều chỉnh một lần, mức điều chỉnh căn cứ theo tình hình điều chỉnh của vật giá và mức lương tại Việt Nam, đồng thời căn cứ vào diện tích thuê đất có giảm trừ.
- Phí xử lý nước thải của tháng trước sẽ được thanh toán vào trước mỏng năm tháng sau.

Điều 3: QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

3.1 Kể từ ngày ký kết Bản thỏa thuận giữ đất giữa hai bên, bên B có quyền đo đạc, khảo sát, khoan địa chất công trình phục vụ cho việc xây dựng nhà máy, xí nghiệp trên phần đất thuê.

3.2 Bên B được phép bắt đầu xây dựng nhà xưởng và triển khai dự án trên khu đất thuê sau khi:

- Nhận được giấy phép xây dựng
- Ký bản ghi nhớ các tiêu chuẩn tổng quát cho nhà thầu xây dựng được đề cập theo phụ lục đính kèm bản hợp đồng này.
- Thanh toán đầy đủ đúng tiến độ như quy định tại điều 2 trong bản hợp đồng này.

3.3 Nhà xưởng, nhà kho, văn phòng hay vật kiến trúc được xây dựng hay tạo ra trên khu đất thuê là tài sản của bên B. Bên B có quyền thế chấp tại ngân hàng Việt Nam giá trị tài sản của mình gắn liền với giá trị quyền sử dụng đất để vay vốn cho sản xuất.

Điều 4: CAM KẾT CỦA BÊN A ĐỐI VỚI KHU ĐẤT CHO THUÊ

4.1 Bên A sẵn sàng giúp đỡ bên B tiến hành các thủ tục cần thiết để bên B nhận được Giấy phép xây dựng, giấy phép xuất nhập khẩu, giấy đăng ký chế độ kế toán cũng như các công việc khác theo sự ủy thác của bên B với mức phí do hai bên thỏa thuận.

4.2 Bên A cam kết dành cho bên B trọn quyền sử dụng đất để thực hiện dự án như Giấy phép đầu tư đã được cấp và quyền này không bị tước đoạt dưới bất kỳ hình thức nào.

4.3 Các dịch vụ thông tin như: điện thoại, fax, cho khu công nghiệp do Bưu điện tỉnh Thái Bình thực hiện. Chi phí lắp đặt và cước phí thông tin do Bên B trả cho bưu điện tỉnh Thái Bình theo quy định của Tổng công ty bưu chính viễn thông Việt Nam.

4.4 Bên A sẽ đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông, thoát nước phệ thải phục vụ cho các nhà đầu tư theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt.

4.5 Bên A chịu trách nhiệm xây dựng đường dây 35 KV đến trước tường rào của khu đất thuê để cấp điện cho trạm biến áp theo công suất đã thỏa thuận. Bên B phải chịu toàn bộ phí tổn về máy biến thế, hệ thống đường dây nối từ mạch 35 KV của bên A vào trong nhà máy của bên B. Bên B sẽ ký hợp đồng sử dụng điện với Công ty điện lực và trả mọi khoản phí tổn do sử dụng điện cho công ty điện lực. Việc quản lý kỹ thuật lưới điện và cung cấp điện do công ty điện lực thực hiện.

4.6 Hệ thống cấp nước cho khu công nghiệp đến trước khu đất thuê sẽ do bên A thực hiện để cung cấp nước cho bên B theo khối lượng thỏa thuận. Phí tổn về đồng hồ nước, đường ống nối từ đường phân phối trở vào, tiền công lắp đặt do bên B chịu. Bên B sẽ ký hợp đồng sử dụng nước và trả tiền nước cho công ty cấp nước sạch tỉnh Thái Bình.

4.7 Bên A có trách nhiệm duy tu, sửa chữa cơ sở hạ tầng khu công nghiệp trong suốt thời gian cho thuê đất.

Điều 5: CAM KẾT CỦA BÊN B TRONG QUÁ TRÌNH THUÊ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT Ở KHU CÔNG NGHIỆP PHÚC KHÁNH

5.1 Bên B sử dụng đất vào mục đích như Giấy phép đầu tư quy định và tuân thủ đúng luật pháp Việt Nam cũng như các điều khoản quy định trong bản hợp đồng này.

5.2 Bên B khẩn trương chuẩn bị mọi hồ sơ cần thiết để xin giấy phép xây dựng nhà máy.

5.3 Bên B xây dựng nhà máy và điều hành sản xuất, kinh doanh trên khu đất đã thuê theo đúng nội dung của Giấy phép đầu tư và các quy định cụ thể của khu công nghiệp.

5.4 Bên B chịu mọi khoản thuế theo quy định của Giấy phép đầu tư và các khoản thuế khác theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

5.5 Bên B có thể phân chia, sát nhập, hoặc chuyển nhượng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình trên khu đất thuê trên cơ sở tuân thủ theo đúng luật pháp Việt Nam và các quy định cụ thể của khu công nghiệp Phúc Khánh, cũng như của bản hợp đồng này. Người mua phải ký lại hợp đồng thuê đất với bên A, đồng thời phải cam kết bằng văn bản về việc chấp hành mọi quy định của khu công nghiệp Phúc Khánh và luật pháp Việt Nam. Bên B và bên mua phải thỏa thuận và đi đến thống nhất về việc quyết định phía nào thanh toán toàn bộ chi phí phát sinh từ việc chuyển giao khu đất thuê.

5.6 Bên B phải chuẩn bị một bể chứa nước hoặc tháp nước riêng bằng phí tổn của mình để dự trữ nước trong trường hợp thiếu nước, để duy trì áp suất nước ổn định trong quá trình sử dụng và phòng cháy chữa cháy.

5.7 Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, nếu bên B muốn trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho bên A biết trước ít nhất 06 (sáu) tháng bằng văn bản. Bên A trả lời cho bên B trong vòng thời gian 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được đề nghị của bên B. Hợp đồng hết hiệu lực khi bên B đã bàn giao mặt bằng (đất thuê) lại cho bên A.

5.8 Bên B sẽ nộp bản báo cáo phân tích hàm lượng nước thải công nghiệp (nếu có) của nhà máy trước khi chảy vào hệ thống xử lý nước thải trung tâm của bên A khi có yêu cầu và đảm bảo chỉ tiêu nước thải theo đúng yêu cầu của bên A trước khi chảy vào hệ thống xử lý nước thải chung của Khu công nghiệp. Chi phí phân tích hàm lượng nước thải sẽ do bên B chịu.

5.9 Bên B sẽ cung cấp cho bên A bảng chi tiết thành phần và số lượng các loại chất thải tạo ra trong quá trình sản xuất, chế biến ngay sau khi ký bản hợp đồng thuê đất này. Bên B cam kết sẽ xử lý một cách thích hợp phía trong phần đất thuê với các phí tổn do mình tự chịu theo đúng quy định của Luật môi trường Việt Nam. Bên B cam kết không gây thiệt hại hay làm ô nhiễm môi trường khu công nghiệp và các khu lân cận.

5.10 Bên B chịu trách nhiệm và phải bồi thường cho bên A những thiệt hại gây ra bởi những hoạt động cố ý hay không cố ý của bên B hay nhân viên, người thừa hành của bên B.

5.11 Bên B sẽ ký một bản thỏa thuận về xây dựng với bên A trước khi bắt đầu xây dựng. Bên B sẽ nhận được sự thỏa thuận của bên A bằng văn bản về cách bố trí nhà máy của mình trước khi nộp đơn xin phép xây dựng, đồng thời sẽ nộp bản vẽ thiết kế mặt bằng tổng thể, cấp thoát nước, cấp điện, san nền cho bên A trước khi bắt đầu xây dựng. Bên A đảm bảo giải quyết công việc một cách nhanh chóng để không làm ảnh hưởng tới công tác xây dựng của bên B.

Điều 6: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

6.1 Vào cuối thời gian thuê như quy định tại điều 2 Bản hợp đồng thuê lại đất sẽ hết hiệu lực nếu đơn xin gia hạn đầu tư không được Chính phủ Việt Nam chấp thuận, bên B đồng ý ngừng hoạt động và dọn dẹp các vật kiến trúc, thiết bị, vật liệu...khỏi khu đất đã thuê trong vòng 90 ngày kể từ ngày hết hạn thuê đất và tự chịu mọi phí tổn, đồng thời giao lại mặt bằng sạch cho bên A.

6.2 Nếu bên B không trả tiền đúng ngày như đã đề cập ở điều 2, bên A có quyền tính lãi cho khoản tiền trả chậm mà không cần thông báo bằng văn bản cho bên B, với mức lãi suất là 10%/năm cho đến khi bên A nhận được khoản tiền trả chậm. Nếu trả chậm quá 04 (bốn) tháng thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Điều 7: VIỆC MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

Các bên đồng ý miễn trừ trách nhiệm về sự mất mát, tổn thương, trễ nãi, thiệt hại hay bất cứ tổn thất nào xảy đến cho bên kia do những sự phê duyệt quy chế hay hướng dẫn của Chính phủ, do việc bộc phát tình trạng khẩn trương, chiến tranh, các hoạt động thù nghịch chiến tranh, các chấn động dân sự, bạo loạn, bệnh dịch, bão táp, hỏa hoạn hay những nguyên nhân tương tự xảy ra bên ngoài tầm kiểm soát của bên kia.

Điều 8: NGÔN NGỮ, SỬA ĐỔI VÀ BÀI MIỄN

8.1 Tiếng Việt và tiếng Trung được dùng làm ngôn ngữ để cắt nghĩa các nội dung của hợp đồng này. Trong trường hợp có sự không đồng nhất giữa hai ngôn ngữ, thì tiếng Trung được dùng làm ngôn ngữ để giải thích. Bản hợp đồng này sẽ do Luật pháp Việt Nam chi phối và ràng buộc các bên.

8.2 Trừ khi hai bên đồng ý bằng một văn bản khác, các quyền và nghĩa vụ quy định tại Bản hợp đồng này không được sửa đổi, chuyển nhượng bởi một trong hai bên mà không được sự đồng ý bằng văn bản của bên kia.

8.3 Việc một bên không áp dụng bất cứ một điều khoản nào trong hợp đồng này sẽ không tạo nên sự miễn của điều khoản đó hay các tác động, chi phối của nó đến các điều khoản khác của hợp đồng.

Điều 9: XỬ LÝ TRANH CHẤP

Các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, trước hết phải được hai bên giải quyết qua thương lượng hòa giải. Trong trường hợp thương lượng hòa giải không giải quyết được tranh chấp, thì hai bên sẽ đồng ý đưa vụ tranh chấp đó ra Tòa Án nhân dân tỉnh Thái Bình hoặc tòa án được hai bên chấp thuận để phân xử. Phán quyết của Tòa án là phán quyết cuối cùng, hai bên có trách nhiệm và nghĩa vụ tuân theo. Chi phí giải quyết tranh chấp sẽ do bên thua cuộc chịu.

Điều 10: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Bản hợp đồng này thay thế cho tất cả các thỏa thuận bằng lời nói hay trao đổi cam kết ưng thuận bằng văn bản trước đây.
- Tất cả các điều khoản khác không được quy định cụ thể tại Bản hợp đồng này sẽ được các bên tuân thủ theo quy định của Luật pháp Việt Nam.
- Bản hợp đồng này được lập thành 07 (bảy) bản tiếng Việt và 04 (bốn) bản tiếng Trung, mỗi bên giữ 02 (hai) bản tiếng Việt và 02 (hai) bản tiếng Trung, đồng gửi Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh Thái Bình, Sở tài nguyên môi trường tỉnh Thái Bình và Cục thuế tỉnh Thái Bình mỗi bên giữ 01 (một) bản tiếng Việt.
- Cả hai bên đã đọc kỹ nội dung và nhìn nhận hợp đồng này thể hiện đúng ý định của mình.
- Hợp đồng này bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN

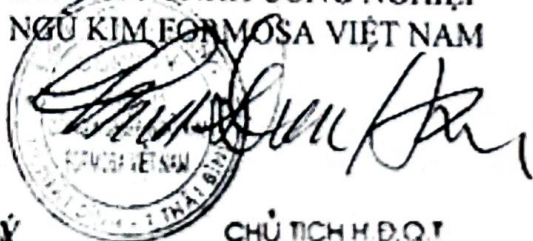


TỔNG GIÁM ĐỐC
XÁC NHẬN CỦA BAN QUẢN LÝ
CÁC KCN TỈNH THÁI BÌNH



TRƯỞNG BAN
Từ Ngọc Thu

ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP
NGŨ KIM FORMOSA VIỆT NAM



CHỦ TỊCH HĐQT
HSU CHING-TUN

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Số: 160925/PLHD/GP-FTV

Căn cứ vào hợp đồng nguyên tắc số 051222/GP-FT ngày 05/12/2022 giữa công ty TNHH Garden Pals và Công ty CP Công nghiệp Ngũ Kim Fortress Việt Nam.

Hôm nay, ngày 16 tháng 09 năm 2025, chúng tôi gồm có :

Đại diện bên A: Công ty TNHH Garden Pals

Bà: **Lê Thị Thu Hằng**

Chức vụ: Chủ tịch kiêm TGD

Địa chỉ: Lô B6- KCN Phúc Khánh- Phường Vũ Phúc- Tỉnh Hưng Yên

MST: 1000417839

Điện thoại: 0227.3618995

Đại diện bên B: Công ty CP Công nghiệp Ngũ Kim Fortress Việt Nam

Ông: **Tsai Chui Tien**

Chức Vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ: Lô B8+9+10- KCN Phúc Khánh- Phường Vũ Phúc- Tỉnh Hưng Yên

MST: 1000383611

Điện thoại: 0227.3618991

Hai bên đã cùng nhau thỏa thuận và đi đến ký kết phụ lục hợp đồng số 160925/PLHD/GP-FTV với điều khoản sửa đổi như sau:

Điều 1. Thời gian, diện tích, nội dung thuê:

Bên A đồng ý cho bên B thuê nhà xưởng và các công trình phụ trợ tại Lô B6 Khu công nghiệp Phúc Khánh- Phường Vũ Phúc- Tỉnh Hưng Yên.

Thời gian thuê: Kể từ ngày 16/09/2025 đến 31/12/2052

Diện tích thuê: 14.726,4 m²

Đơn giá: 47000/m²/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT)

Điều 2: Tất cả các điều khoản khác trong hợp đồng nguyên tắc số 051222/GP-FT ngày 05/12/2022 về việc cho thuê nhà xưởng vẫn giữ nguyên không có gì thay đổi.

Điều 3: Hiệu lực của hợp đồng

Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không thể tách rời của hợp đồng nguyên tắc số 051222/GP-FT ngày 05/12/2022 về việc cho thuê nhà xưởng giữa công ty TNHH Garden Pals và công ty CP Công nghiệp Ngũ Kim Fortress Việt Nam.

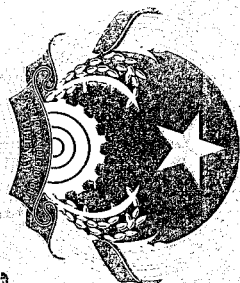
Phụ lục hợp đồng được lập thành 06 bản mỗi bên giữ 03 bản có giá trị pháp lý như nhau.



CHỦ TỊCH KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Thu Hằng



CHỦ TỊCH H.Đ.Q.T
TSAI CHUI TIEN



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Garden Pals
Giấy chứng nhận đầu tư số: 08.20230000009, cấp ngày 07/11/2012
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phúc Khánh, xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình,
tỉnh Thái Bình, Việt Nam

BG 634715

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
*Đã thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam - chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03012012/HĐTC/TS/TL/TCB-TBH, ký ngày 03/01/2012. Hồ sơ đăng ký biến động số: 472, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận ngày 04/01/2012	Ngày 23 tháng 02 năm 2014 Văn phòng đăng ký QSDĐ Giảm trừ ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGUYỄN VĂN NGUYỄN KIẾN CƯỜNG

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận, khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



3 4 1 2 4 6 3 1 3 0 0 2 3 2 0

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 632, tờ bản đồ số: 19
b) Địa chỉ: Khu công nghiệp Phúc Khánh, xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình
c) Diện tích: 14726,4 m²
(bằng chữ: Mười bốn nghìn bảy trăm hai mươi sáu phẩy bốn mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: riêng 14726,4 m², chung "không" m²
đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp
e) Thời hạn sử dụng đất: "Đến hết ngày 31/12/2052"
g) Nguồn gốc sử dụng: "Thửa đất của Công ty cổ phần hữu hạn phát triển khu công nghiệp Đại Tín"

2. Nhà ở:

-/-

3. Công trình xây dựng khác:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Nam HT xây dựng	Thời hạn sử dụng
(1) Nhà xưởng 1	5136,6	5136,6	Tường xây gạch, kết hợp tôn thưng, khung thép zamin, mái lợp tôn	"-/-"	01	2008	"-/-"
(2) Nhà xưởng 2	5136,6	5136,6	Tường xây gạch, kết hợp tôn thưng, khung thép zamin, mái lợp tôn	"-/-"	01	2008	"-/-"

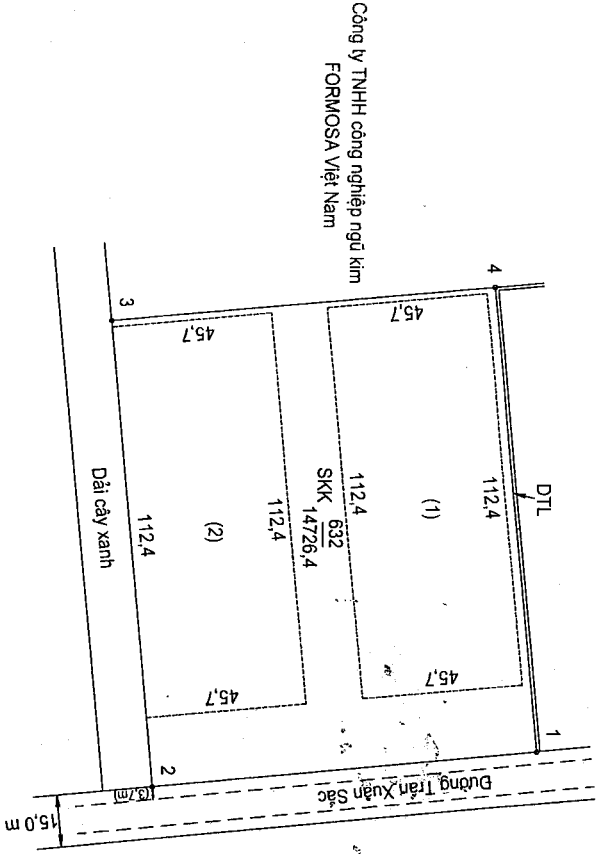
4. Rừng sản xuất là rừng trồng:

-/-

5. Cây lâu năm:

6. Ghi chú:

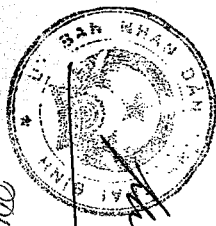
III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ

Số hiệu thửa	Toạ độ VN2000		Chiều dài (m)
	X(m)	Y(m)	
1	2261 397,370	583 978,490	110,04
2	2261 287,870	583 889,380	134,21
3	2261 275,400	583 855,750	108,91
4	2261 384,830	583 845,480	133,60
1	2261 397,370	583 978,490	

Thái Bình, ngày 12 năm 2013
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH



CHỦ TỊCH
Phạm Văn Bình

Số vào sổ cấp GCN: "CT" 000 24/2014
Ngày 24/2/2014

F₁ + F₂

UBND TỈNH THÁI BÌNH
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
VÀ CT ĐÔ THỊ TỈNH THÁI BÌNH
Số: 108 /HD-MTĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT NĂM 2024

Căn cứ bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017

Căn cứ luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015

Căn cứ quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 25/1/2021 về việc quy định giá tối đa với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn Tỉnh Thái Bình

Căn cứ quy định số 386/QĐ-UBND ngày 05/02/2020 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt tại Nhà máy xử lý rác Thái Bình

Căn cứ nhu cầu của Công ty cổ phần công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam và khả năng thực hiện của Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị tỉnh Thái Bình,

Hôm nay ngày 31 tháng 12 năm 2023, tại Công ty Cổ phần môi trường và công trình đô thị tỉnh Thái Bình. Chúng tôi gồm có:

Bên A: Công ty cổ phần công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam

Địa chỉ: Lô B8+B9+B10, KCN Phúc Khánh, Tp. Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Đại diện: Bà Trần Thị Thúy Nguyên

Chức vụ: Tổng giám đốc

Mã số thuế: 1000383611

Bên B: Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị tỉnh Thái Bình

Địa chỉ: Số 109E – phố Lý Bôn – Tp. Thái Bình – tỉnh Thái Bình

Đại diện: Ông Hoàng Anh Dương

Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị

Tài khoản số: 340121 1000629 – Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT chi nhánh bắc Thái Bình

Hai bên cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận ký hợp đồng vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt với các nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng



Bên A đồng ý thuê, bên B đồng ý nhận vận chuyển rác thải sinh hoạt của bên A đến nơi xử lý rác theo quy định của Thành phố.

Hình thức vận chuyển rác thải sinh hoạt bằng xe chuyên dụng đến nhà máy xử lý rác thải để xử lý.

Thời gian vận chuyển rác thải sinh hoạt:

+ Công ty CPCN ngũ kim Fortress Việt Nam 1: thứ 3, 5, 7;

+ Công ty CPCN ngũ kim Fortress Việt Nam 2: thứ 2, 4, 6.

Điều 2: Quyền và nghĩa vụ của các bên

2.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

- Tập kết rác vào xe gom, đúng nơi quy định theo sự thỏa thuận của hai bên, có đường ra vào thuận tiện cho người và phương tiện;

- Khi người lao động và phương tiện của bên B đến vận chuyển, bên A phải tạo điều kiện để phương tiện và người lao động hoàn thành nhiệm vụ;

- Thanh toán cho bên B sau khi nhận được đầy đủ hóa đơn GTGT và các giấy tờ có liên quan khác do bên B cung cấp.

2.2. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

- Cử người và phương tiện đến địa điểm tập kết của bên A để vận chuyển, xử lý theo đúng thỏa thuận;

- Đảm bảo việc vận chuyển, xử lý rác thải của bên A theo đúng quy định của pháp luật

- Trong quá trình vận chuyển phải đảm bảo trật tự an toàn giao thông và vệ sinh môi trường

Điều 3: Nội dung hợp đồng

3.1. Thời gian thực hiện hợp đồng

Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt cho bên A từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

3.2. Khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt của bên A

Cụ thể, khối lượng vận chuyển và xử lý:

+ Công ty CPCN ngũ kim Fortress Việt Nam 1: 5,300 tấn/tháng;

+ Công ty CPCN ngũ kim Fortress Việt Nam 2: 4,060 tấn/tháng.

Tổng cộng khối lượng 2 công ty: 9,360 tấn/tháng

3.3. Đơn giá và giá trị hợp đồng

Giá thành vận chuyển và xử lý 1 tháng: $9,360 \text{ tấn/tháng} \times 1.197.000 \text{ (đồng/tấn)}$
 $= 11.203.920 \text{ (đồng/tháng)}$

Giá thành vận chuyển và xử lý 12 tháng: $11.203.920 \text{ (đồng/tháng)} \times 12 \text{ tháng} =$
 $134.447.040 \text{ (đồng)}$

Giá trị hợp đồng: 134.447.040 (đồng)

(Bằng chữ: Một trăm ba mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, không trăm bốn mươi đồng./.)

Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT.

Điều 4. Hình thức thanh toán

Thanh toán theo từng quý số tiền:

- + Quý I thanh toán vào tháng 3/2024 số tiền: 33.611.760 đồng;
- + Quý II thanh toán vào tháng 6/2024 số tiền: 33.611.760 đồng;
- + Quý III thanh toán vào tháng 9/2024 số tiền: 33.611.760 đồng;
- + Quý IV thanh toán vào tháng 12/2024 số tiền: 33.611.760 đồng.

Điều 5. Cam kết chung

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hai bên thông báo kịp thời cho nhau và cùng nhau bàn bạc giải quyết.

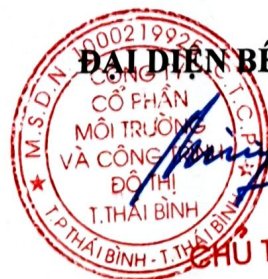
Bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho phía bên kia, phải bồi thường vật chất theo chính sách pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để làm cơ sở thực hiện./.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thị Thủy Nguyên



CHỦ TỊCH HĐQT
Hoàng Anh Dương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Số: 590.2/2024/HĐ/PM - NKF

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI, CÔNG NGHIỆP

- Căn cứ luật số 72/2020/QH14 Luật Bảo vệ môi trường ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022.
- Căn cứ vào thông tư số: 02/2022/TT – TNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
- Căn cứ đề nghị của Công ty cổ phần công nghiệp Ngũ Kim Fortress Việt Nam về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp.

Hôm nay, ngày 12 tháng 10 năm 2024. Tại trụ sở Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina. Chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NGŨ KIM FORTRESS VIỆT NAM

Địa chỉ : Đường Trần Thủ Độ, khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam
Người đại diện : Ông Chiang, Chiu- Chiung Chức vụ: Tổng giám đốc
Điện thoại : 0227.3618.996
Tài khoản : 281704078888888 – tại Ngân hàng HD chi nhánh Thái Bình
Mã số thuế : 1000383611

Bên B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA

Địa chỉ : Khu xử lý rác thải, xã Trạm Thán, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
Người đại diện : Ông LÊ VĂN QUANG Chức vụ: Tổng Giám đốc.
Điện thoại : 096 119 2626
Tài khoản : 020061192626 – tại Ngân hàng Sacombank, CN Đông Anh
Mã số thuế : 2601066979

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Bên A thuê Bên B thực hiện những công việc sau

Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp (bao gồm chất thải nguy hại và không nguy hại) phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty cổ phần công nghiệp Ngũ Kim Fortress Việt Nam theo đúng các quy định về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển chất thải

2.1 Địa điểm bàn giao chất thải: tại các vị trí chứa chất thải của Công ty cổ phần công nghiệp Ngũ Kim Fortress Việt Nam.

Địa chỉ: Đường Trần Thủ Độ, khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2.2 Địa điểm lưu giữ, xử lý chất thải: Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina.

Địa chỉ: Khu xử lý rác thải, xã Trạm Thán, huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ.

2.3 Thời gian giao nhận: Theo yêu cầu của Bên A. Mỗi đợt bàn giao chất thải bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B trước ít nhất 01 ngày (bằng điện thoại, email hoặc fax) trừ ngày lễ và chủ nhật. Nội dung thông báo ghi rõ khối lượng và loại chất thải.

2.4 Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng theo quy định của pháp luật và nhân công bốc xếp.

Điều 3: Danh mục, đơn giá, đặc tính chất thải và thể thức thanh toán

3.1 Danh mục chất thải và đơn giá xử lý:

TT	Tên chất thải	Thuộc tính	Mã CTNH	ĐVT	Khối lượng	Giá xử lý (VNĐ)	Phương pháp xử lý
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	NH	16 01 06	Kg	01	4.000	XL bóng đèn
2	Giẻ lau máy nhiễm dầu, bao tay, vải bị nhiễm thành phần nguy hại	NH	18 02 01	Kg	01	3.800	Thiêu đốt
3	Chất thải từ quá trình mài (mạt kim loại, cát...)	NH	07 03 08	Kg	01	2.500	Hóa rắn
4	Chất thải từ quá trình xử lý khí thải mạ điện	NH	07 02 01	Kg	01	2.000	Hóa rắn
5	Cặn sơn thải	NH	08 01 01	Kg	01	2.800	Thiêu đốt
6	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	NH	12 06 05	Kg	01	2.500	Thiêu đốt
7	Que hàn thải	NH	07 04 01	Kg	01	3.000	Hóa rắn
8	Cặn dầu thải	NH	17 02 03	Kg	01	3.000	Thiêu đốt
9	Bao bì cứng thải bằng kim loại	NH	18 01 02	Kg	01	3.000	Tẩy rửa
10	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	NH	18 01 04	Kg	01	3.000	Tẩy rửa
11	Bùn thải từ quá trình mài nước	TT		Kg	01	1.120	Thiêu đốt

Ghi chú:

- Đơn giá xử lý chất thải trên **chưa bao gồm VAT** theo quy định hiện hành của nhà nước.

3.2 Đơn giá sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

3.3 Phương thức thanh toán:

- Việc thanh toán được thực hiện bằng Việt Nam đồng (VNĐ).
- Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản.
- Căn cứ trên khối lượng chất thải được thu gom, vận chuyển và xử lý theo biên bản giao nhận giữa hai bên, việc thanh toán được thực hiện sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày hai bên tiến hành chốt công nợ và bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ và các chứng từ chất thải có liên quan.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền lợi của các Bên

4.1 Trách nhiệm và quyền lợi của Bên A

- a. Bên A có trách nhiệm phân loại và lưu giữ tạm các loại chất thải theo quy định và thuận tiện cho việc bốc xếp chất thải lên xe vận chuyển của bên B và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy
- b. Đảm bảo thành phần chất thải giao nhận đúng theo hợp đồng, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau.
- c. Bố trí đường đi đến các địa điểm thu gom chất thải thuận tiện, không bị cản trở.
- d. Cử cán bộ chuyên môn giám sát và phối hợp thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh nếu có, nhưng không ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng của Bên B.
- e. Đảm bảo các chi tiết máy, thiết bị, tài sản còn sử dụng được không lẫn trong chất thải bàn giao cho Bên B.
- f. Cử người hướng dẫn nội quy, quy định của bên A cho nhân viên của Bên B vào thu gom chất thải.
- g. Ký biên bản bàn giao chất thải và lập, ký xác nhận và chuyển giao đầy đủ chứng từ CTNH cho bên B ngay khi bàn giao chất thải cho bên B theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT – TNMT.
- h. Cung cấp thông tin về thành phần, nguồn gốc phát sinh của các loại chất thải để làm cơ sở tính toán phương án xử lý của bên B.
- i. Thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng.

4.2 Trách nhiệm và quyền lợi của Bên B

- a. Cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại.
- b. Có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải:
- c. Đảm bảo đủ điều kiện vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo đúng các qui định của Luật bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- d. Có phương án xử lý sự cố khi tràn đổ, rò rỉ, hỏa hoạn chất thải và Bên B phải có trách nhiệm đào tạo nhân viên của mình phương án xử lý sự cố đó. Có trách nhiệm cải tiến công nghệ nhằm đạt kết quả xử lý tốt nhất, giảm chi phí xử lý và đảm bảo thân thiện với môi trường.
- e. Thông tin đầy đủ cho Bên A các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải
- f. Có trách nhiệm xuất trình cho bên A hợp đồng liên doanh với bên thứ ba về việc xử lý những chất thải nguy hại mà Bên B không được phép xử lý.
- g. Chịu trách nhiệm tổ chức nhân công thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải an toàn theo kế hoạch và phương án đã thống nhất giữa hai Bên, tuân thủ các nội quy và quy định của Bên A và phù hợp với pháp luật hiện hành.
- h. Cử Cán Bộ chuyên môn giám sát khối lượng chất thải giao nhận, phối hợp trong việc thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).
- i. Có trách nhiệm kiểm tra các tài liệu liên quan đến thành phần chất thải trong hợp

đồng do Bên A cung cấp. Trong trường hợp phát hiện ra sự sai lệch hoặc không phù hợp thì hai Bên sẽ cùng nhau thương lượng để giải quyết theo đúng quy định hiện hành.

- j. Có trách nhiệm xác nhận hoàn thành việc xử lý vào “Chứng từ chất thải nguy hại” và xuất hóa đơn tài chính hợp lệ đúng thời hạn.
- k. Khi chất thải đã bàn giao ra khỏi phạm vi nhà máy của Bên A, nếu có bất kỳ sự cố hoặc vấn đề phát sinh nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường...) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải của Bên A thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Điều 5: Giải quyết tranh chấp

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có thay đổi hay vướng mắc thì hai bên cùng bàn bạc, thương lượng và giải quyết thỏa đáng bằng văn bản. Nếu không giải quyết được sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Hà Nội giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện. Chi phí xét xử và chi phí có liên quan do bên thua kiện chịu.

Điều 6: Bảo mật

- 6.1 Hợp đồng này và các giấy tờ, tài liệu liên quan đến hợp đồng này là tài liệu riêng của các bên tham gia hợp đồng và không bên nào được tiết lộ cho bên thứ ba (trừ trường hợp bắt buộc theo quy định của pháp luật).
- 6.2 Khi hợp đồng chấm dứt, hai bên không được tiết lộ hoặc cung cấp cho bên thứ ba bí mật liên quan đến hoạt động thương mại, bí quyết kinh doanh của cả hai bên trong thời gian thực hiện hợp đồng và sẽ không đưa ra bất kỳ phản đối nào

Điều 7: Trường hợp bất khả kháng

- 7.1 Bất khả kháng: là sự kiện nằm ngoài khả năng kiểm soát và không liên quan đến sự sai phạm hoặc thiếu trách nhiệm của hai bên. Những sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm: bạo loạn, chiến tranh, cháy, lụt, động đất, dịch bệnh, cấm vận vận tải.
- 7.2 Nếu bất khả kháng xảy ra, bên xảy ra bất khả kháng phải nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho bên kia về hoàn cảnh và nguyên nhân gây ra sự kiện đó trong vòng 7 ngày kể từ ngày xảy ra sự cố.
- 7.3 Trường hợp bất khả kháng kéo dài sau 30 ngày, hai bên sẽ gặp nhau để tìm biện pháp giải quyết.

Điều 8: Các điều khoản chung:

- 8.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng này, trong khi thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc hai bên phải chủ động gặp nhau để giải quyết và thống nhất bằng văn bản, không làm tổn hại đến lợi ích của mỗi bên.
- 8.2 Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực không được tự ý chấm dứt hợp đồng. Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng phải thông báo bằng văn bản trước cho bên kia 3 tháng kể từ ngày chấm dứt hợp đồng.
- 8.3 Mọi sửa đổi bổ sung của hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền ở cả hai bên.
- 8.4 Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực bên A không được giao chất thải cho bất kỳ

bên thứ ba nào khác.

- 8.5 Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này nếu các bên không thương lượng và hoà giải được với nhau sẽ được giải quyết tại toà án kinh tế nơi Bên B đặt trụ sở giao dịch, án phí do bên thua chịu.

Điều 9: Hiệu lực của hợp đồng:

- 9.1 Hợp đồng này có hiệu lực 01 (một) năm kể từ ngày ký. Hết hạn hợp đồng, nếu một trong hai bên không có ý kiến gì bổ sung, thì mặc nhiên hợp đồng được tự động gia hạn cho các năm tiếp theo.
- 9.2 Hợp đồng này chỉ có hiệu lực với bên A và bên B, không có hiệu lực với bất kỳ bên thứ ba nào khác.
- 9.3 Hợp đồng chỉ chấm dứt khi hai bên có sự đàm phán và thông báo với nhau bằng văn bản trong thời hạn 01 (một) tháng trước ngày chấm dứt hợp đồng.
- 9.4 Hợp đồng được lập thành 03 bản bằng tiếng Việt Nam, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

Điều 10: Thông tin liên hệ

Mọi thông tin cần trao đổi về hợp đồng. Quý khách hàng vui lòng liên hệ với Mrs. Hoa theo SĐT: 0986.528.825 - Email: hoa.phuminhvina@gmail.com

Mọi thông tin cần trao đổi về thủ tục thanh toán, Quý khách hàng vui lòng liên hệ với Mrs. Thu KTT SĐT: 0986.023.492 - Email: ketoanphuminhvina@gmail.com

Mọi thông tin cần trao đổi về thu gom, vận chuyển, Quý khách hàng vui lòng liên hệ với Mr. Thông SĐT: 0986.862.026 - Email: vanchuyen.phuminhvina@gmail.com



ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC
CHIANG CHIU CHIUNG



ĐẠI DIỆN BÊN B

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

越南主義社會共和國
獨立-自由-幸福

HỢP ĐỒNG
DỊCH VỤ THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
污水收集與處理服務合同
Số : 03 /XLNT/DT-TBX-FT
編號 : 03 /XLNT/DT-TBX-FT

Căn cứ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 năm 2005;
依據 2005/6/14 第 33/2005/QH 號民事法

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 năm 2012;
依據 1998/6/1 資源法

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 năm 2013;
依據 2013 年第 55/2014/QH13 號的環保法

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 26/09/2014 của Chính phủ quy định về
thoát nước và xử lý nước thải;

依據政府 2014/9/26 第 80/2014/ND-CP 號議定關於處理污水及排放水

Căn cứ Công văn số 1402/CT-TTHT ngày 19/6/2014 của Cục thuế Thái Bình.

根據太平省稅務局在 19/6/2014 第 1402/CT-TTHT 號公文的指導

Căn cứ Hợp đồng số 03/HĐ-XLNT ngày 13/10/2011 về việc cải tạo nâng cấp và
quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước thải KCN Phúc Khánh giữa Công ty CPHH Phát
triển KCN Đài Tín (nay là Công ty TNHH Khai phát Đài Tín) với Công ty TNHH Công
nghệ môi trường công nghiệp Thái Bình (nay là Công ty TNHH Môi trường Thái Bình
Xanh), và các Phụ lục của hợp đồng này.

根據台信開發股份有限公司（現為台信開發責任有限公司）與太平工業環境
工藝責任有限公司（現為綠太平工業責任有限公司）簽訂 2011/10/13 改造提升及管
理、運行福慶工業區污水處理廠的第 03/HĐ-XLNT 號合約以及該合約的各附錄合約

Căn cứ nội dung thống nhất giữa các bên liên quan trong cuộc họp ngày 25/2/2017
tại Trụ sở Công ty TNHH Khai phát Đài Tín, khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố
Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

依據 2017/2/25 在台信公司會議室三方統一的内容

Hôm nay, ngày 1 tháng 3 năm 2017, chúng tôi gồm:

今日, 於 2017 年 3 月 1 日, 我們包括:

1. Bên A: Công ty TNHH Khai phát Đài Tín (Tên trước đây là Công ty CP khai phát triển KCN Đài Tín)

甲方：台信開發責任有限公司（原為台信工業區開發股份有限公司）

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

- 地址：太平省-太平市-福慶工業區

Đại diện: Ông TSAI CHUI TIEN; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc;

代表：蔡垂典先生；職務：董事長兼總經理

- Điện thoại 電話: 036-3844419

- Mã số thuế 稅號: 1000337044

- Thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 082 023 000 058 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Thái Bình cấp ngày 12 tháng 03 năm 2014 (Thay thế Giấy phép đầu tư).

- 成立根據太平省工業區管理委員會 2014 年 03 月 12 月第 082 023 000 058 號投資認證書（取代投資執照）。

2. Bên B: Công ty cổ phần công nghiệp ngũ kim fortress Việt Nam

乙方：金屯五金責任有限公司越南廠

- Địa chỉ Trụ sở: Lô B8+B9+B10 KCN Phúc Khánh, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam.

- 地址：太平省太平市福慶工業區 B8+B9+B10 區

- Đại diện: **ÔNG HSU, TING- HSIN**

Chức vụ: CT HĐQT kiêm TGD

代表人：許廷鑫先生

職務：董事長兼總經理

- Điện thoại 電話 0363 618991

Fax 傳真: 0363 641302

- Tài khoản giao dịch 帳戶: 14025081242221

Tại ngân hàng 銀行名稱：TMCP Kỹ Thương Việt Nam – CN Thái Bình

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000383611 cấp ngày 14/12/2016 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Bình cấp

由太平省投資計劃廳 2016/12/14 頒發第 1000383611 號投資認證書

2011/01/06 第四次認證更改之第 082 043 000 018 號投資認證書。

3. Bên C: Công ty TNHH Môi trường Thái Bình Xanh

丙方：綠太平環境責任有限公司

- Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 78 ngõ Đoàn Túc, đường Trần Quang Khải, tổ 16 phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

地址：太平省太平市前風第 16 組陳光開路段素第 78 號。

- Đại diện: Bà Nguyễn Thị Lua;

Chức vụ: Giám đốc;

代表人：阮氏綢女士

職務：經理

- Điện thoại 電話: 0363606888 - 0913142994 - 0913291823

- Mã số thuế số 稅號: 1000783627

- Tài khoản số: 19525619 tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, chi nhánh Thái Bình.

帳戶號碼: 19525619, 旺盛越南股份商貿銀行, 太平分行

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000783627 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Bình cấp ngày 11/9/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 18/6/2012.

經營登記證明書 1000783627 號由計畫投資廳 2010/9/11 頒發及 2012/06/18 第二次更改。

Ba bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng gồm các nội dung sau:

三方共同簽署合約，內容如下：

Điều 1. Công việc thực hiện

第一條：實施工作

Bên A đồng ý tiếp nhận và xử lý toàn bộ nước thải công nghiệp của bên B (Gồm nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt) được thu gom, dẫn bằng đường ống kín tách riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa từ nhà máy của bên B đầu nối và xả vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Phúc Khánh để dẫn về xử lý tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN xử lý đạt quy chuẩn xả thải ra môi trường theo quy định pháp luật Việt Nam.

Công việc này bên A ủy thác cho bên C thực hiện.

甲方同意接受及處理乙方所有工業污水（包括生產污水及生活污水），乙方的污水須用封閉的管綫收集，與雨水排水系統完全分開，從乙方廠內接管及排到福慶工業區污水收集系統後引到污水處理廠處理達越南法律規定的標準後排放。

此工作由甲方委託丙方執行。

Điều 2. Điểm đầu nối

第二條：接管點

Điểm đầu nối: Là hố ga của bên A trên hệ thống đường ống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp.

接管點：從甲方的陰井接管連接到工業區的污水收集管道。

Trước điểm đầu nối, bên B phải xây dựng hố ga lắng cặn, lắp đặt song chắn rác cố định (kích thước lỗ 1cm x 1cm). Các bên cùng nhau kiểm tra việc thực hiện của bên B, nếu thấy chưa phù hợp thì xây dựng cải tạo lại, kinh phí thực hiện do bên B chi trả.

在接管點前面，乙方要蓋沉澱陰井並有安裝固定的擋垃圾網（垃圾網網孔距離為 1cm x 1cm）。各方一起檢查乙方的執行工作，如果不適合再改造，改造費用由乙方支付。

Điều 3. Chi phí

第三條：費用

3.1 污水處理費的算法

3.1 Cách tính phí xử lý nước thải

Khối lượng nước thải của bên B được tính bằng 70% khối lượng nước sạch tính theo đơn vị mét khối (m^3) ghi trên hóa đơn thu tiền nước hàng tháng của đơn vị cấp nước.

乙方污水數量依照每月自來水公司發的發票上水量(M3)的 70%計算污水數量。

Trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu thấy tỷ lệ nêu trên chưa phù hợp thì các bên cùng thảo luận, hoặc bên C lắp đặt đồng hồ đo khối lượng nước thải tạm thời hoặc là dùng phương thức khác chứng minh lượng nước thải của bên B có tỷ lệ không phù hợp, bên B sẽ phải lắp đặt đồng hồ đo nước thải, chi phí đồng hồ đo nước thải do bên B chi trả. Khối lượng nước thải tính tiền xử lý căn cứ theo khối lượng hàng tháng trên đồng hồ.

在履行合同時間，如果以上比例不符合雙方再討論或由丙方安裝臨時污水表或是其他方式證明乙方的污水量確實比例不符合，乙方就應該安裝污水表，其污水表費用由乙方付。污水處理費的算法依照每個月污水表上的數量。

Trường hợp bên B sử dụng nguồn nước giếng khoan hoặc các nguồn nước khác thì phải thông báo kịp thời cho bên A và bên C biết; đồng thời bên B phải lắp đặt đồng hồ đo khối lượng nước thải, vị trí lắp đặt đồng hồ phía trong tường dậu của bên B.

如果乙方使用地下水或有其他水源應及時告知甲方和丙方，並且，乙方要安裝污水表，污水表安裝位置在乙方的圍牆裏面。

Điều 4. Chất lượng nước thải tại điểm đầu nối

第四條. 在接管點的污水品質

4.1. Chất lượng nước thải của bên B khi xả vào điểm đầu nối phải đạt các chỉ tiêu sau:

乙方排到接管點的污水品質需達如下的標準:

- COD $\leq$ 600 mg/l;

Trong quá trình thực hiện, bên C tự kiểm tra chỉ số COD nếu thấy bất thường thì thông báo bằng văn bản cho bên B và bên A biết; ba bên có quyền mời công ty tư vấn lấy mẫu phân tích (đơn vị phân tích phải đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam); thời điểm lấy mẫu do bên C xác định, nhưng khi lấy mẫu đại diện cả ba bên phải có mặt mới có hiệu lực. Khi lấy mẫu thống nhất sẽ lấy 04 mẫu, 02 mẫu sẽ gửi cho đơn vị phân tích do bên C chỉ định, hai mẫu còn lại do bên B lưu giữ và gửi đi phân tích để so sánh kết quả (Nếu cần). Kết quả phân tích này áp dụng cho việc thanh toán tiền xử lý nước thải từ tháng đó trở đi. Chi phí phân tích mẫu do bên nào gửi đi thì bên đó chi trả.

履行過程中，丙方自己檢查 COD 指數；若發現不正常情況須以書面方式告知甲乙方，同時，三方有權利邀請顧問公司來取樣分析（分析單位需符合越南法律規定的條件）；取樣時間由丙方決定但取樣時三方的代表人都必需在場方可生效。取樣時統一取 4 個樣品，02 個樣品寄給丙方指定的分析單位，剩下 02 個樣品由乙方保留並寄給其他分析單位分析以比較結果（若需要）。取樣結果適用於當月起的污水處理費用。取樣分析費由要求分析方支付。

Nếu bên B đã có thay đổi công nghệ sản xuất hoặc điều chỉnh việc vận hành hệ thống xử lý nước thải sơ bộ để chỉ số COD giảm đi thì thông báo cho bên A và bên C biết để lấy mẫu kiểm tra lại; trường hợp COD giảm so với trước thì lấy chỉ số phân tích lần này làm cơ sở tính tiền. Chi phí lấy mẫu phân tích do bên B chi trả.

若乙方更換生產技術或調整運行污水初步處理系統造成 COD 指數減低，則要通知甲方及丙方重新取樣污水檢查，若 COD 分析指數低於之前指數，則以此分析指數為費用依據。取樣分析費由乙方支付。

Trường hợp nước thải của bên B có hàm lượng COD > 600 mg/l thì bên B phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải nội bộ để xử lý đảm bảo hàm lượng COD < 600 mg/l. Trong trường hợp này nếu bên B có nhu cầu thì làm văn bản gửi bên C để được hỗ trợ tư vấn về công nghệ kỹ thuật cho bên B tham khảo để xây dựng, vận hành hệ thống xử lý nước thải sơ bộ của mình.

若乙方污水 COD 指數 > 600 mg/l 則乙方要建設內部污水處理系統以處理污水保證 COD 指數 < 600 mg/l。若乙方有需求可寫文請丙方協助顧問有關工藝、技術予乙方參考建設、運行自己的初步污水處理系統。

*Đối với các doanh nghiệp cơ khí có công đoạn mạ điện: Ngoài chỉ số COD như nêu trên thì chỉ cần xử lý sơ bộ các chỉ số kim loại nặng gồm Crom 6, Niken, đồng, kẽm, Xyanua,..... để hàm lượng trong nước thải trước khi xả vào hệ thống thu gom không vượt quá hàm lượng quy định tại cột C của quy chuẩn 5945-2005.

*對於使用電鍍工段的廠商：除了如上 COD 指數之外只要初步處理各種重金屬的指數包括 Crom 6, Niken, 銅, 鋅, 氰化物...讓排入到污水收集系統之前的污水含量不超過 5945-2005 第 C 列標準規定的含量。

*Đối với các doanh nghiệp có công đoạn nhuộm: Ngoài chỉ số COD như nêu trên thì chỉ cần xử lý chỉ số màu để hàm lượng trong nước thải trước khi xả vào hệ thống thu gom không vượt quá hàm lượng quy định tại cột B của Quy chuẩn Việt Nam 40:2011/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường (độ màu không quá 150 Pt/Co).

*對於使用染工段的廠商：除了如上 COD 指數之外，只要處理顏色指數含量不超過資源環境部 40:2011/BTNMT 第 B 列越南標準規定的含量（顏色度不超過 150 Pt/Co），方可排入污水收集系統的。

Trường hợp các doanh nghiệp cơ khí có công đoạn mạ điện và các doanh nghiệp có công đoạn nhuộm nêu trên không thực hiện đúng cam kết vẫn xả nước thải có hàm lượng vượt quy định trên dẫn đến Trạm xử lý nước thải phải dừng lại để xử lý sự cố thì thực hiện như sau:

若如上機械廠商有電鍍工段及有染工段的廠商未能根據承諾進行排入超標污水含量導致污水廠停止運作以便處理事故，必須執行如下內容：

1-Bên C thông báo ngay cho các bên biết sự việc xảy ra và dừng việc vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung để bàn bạc, thống nhất phương án khắc phục;

1. 丙方立即通知各方發生的事情，并停止污水處理廠的運行，以便討論統一克服方案。

2-Doanh nghiệp xả nước thải có hàm lượng vượt quy định trên phải chịu mọi phí tổn cho việc khắc phục tại Trạm xử lý nước thải tập trung;

2. 排放汗水超過以上規定的廠商必須承擔所有克服汗水處理廠的費用。

3-Trường hợp chưa thể khắc phục ngay được hoặc phải dừng tiếp nhận nước thải về Trạm xử lý nước thải tập trung thì bên C thông báo ngay bằng văn bản cho các doanh nghiệp biết; khi đó mọi tổn thất của các doanh nghiệp khác do phải dừng xả nước thải thì doanh nghiệp xả nước thải có hàm lượng vượt quy định trên phải chịu trách nhiệm chi trả.

3.若無法立即克服或須停止接收汗水到污水處理廠時，丙方立即書面形式通知廠商知悉；同時其他廠商因要停止排放污水的損失由排入汗水超標的廠商負責支付。

Chất lượng nước thải sau khi bên C xử lý tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN phải đạt các tiêu chuẩn môi trường của Việt Nam mới được xả ra môi trường. Cụ thể: Giá trị các thông số ô nhiễm không vượt quá các giá trị tại cột A quy định giá trị C của QCVN 40:2011/BTNMT;

丙方在工業區集中污水處理廠處理的污水品質須達越南環境標準才得排出環境。具體：污染參數的價值不超過越南 QCVN 40:2011/BTNMT 列 C 價值 A 級標準。

- Chất lượng nước thải sau khi xử lý được kiểm soát bằng hệ thống quan trắc tự động; dữ liệu được đưa công khai lên mạng Internet để các bên cùng kiểm soát; địa chỉ trang Web: thaibinhxanh.vn

處理後的污水品質通過自動觀測系統監察；數據將公開在 thaibinhxanh.vn 網絡上方便三方共同監察。

- Việc thu mẫu quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý theo định kỳ để báo cáo các cơ quan chức năng do bên C thực hiện theo nội dung Báo cáo ĐTM của KCN và quy định của pháp luật Việt Nam;

定期取樣觀測污水處理後的品質將由丙方按照越南法律規定及工業區環境影響評估報告內容實施。

- Định kỳ hàng quý, bên C cung cấp bản sao Kết quả quan trắc cho bên A và bên B bằng file mềm (gửi từ địa chỉ email: thaibinhxanh.vn@gmail.com tới địa chỉ email của bên A và bên B) để lưu hồ sơ.

季度定期：丙方提供觀測結果檔案予甲乙雙方保留（用 thaibinhxanh.vn@gmail.com 電子信箱傳資料到甲乙雙方的電子信箱）。

Hàng tháng (hoặc 2 tháng) khi đơn vị ký hợp đồng xử lý bùn thải đến vận chuyển bùn thải đi xử lý thì bên C mời đại diện bên A và bên B đến hiện trường để giám sát khối lượng làm căn cứ tính chi phí; chi phí thuê cân bùn do bên C chi trả. Chi phí ép khô, vận chuyển, xử lý bùn thải được tính cho tháng đó và căn cứ vào tiền xử lý nước thải trên tổng số tiền xử lý nước thải của tất cả các doanh nghiệp xả thải vào hệ thống thu gom nước thải của bên C để phân bổ và viết hóa đơn giá trị gia tăng.

每月（或 2 個月）簽署污泥處理的公司進入污水處理場來處理污泥運輸時，丙方請甲乙方代表進廠監督數量，以作為計算費用的基礎：由丙方支付租污泥過磅費用。壓干後的污泥運輸及處理費用計算後為當月的費用，并依乙方的汙水處理費金額佔所有廠家排放至丙方污水場的汙水處理費總金額的比例分攤及開增值稅發票。

Điều 5. Đơn giá, phương thức thanh toán m³:

第五條. 付款方式與單價 m³

Đơn giá bao gồm đơn giá xử lý nước thải và đơn giá đóng ép, vận chuyển xử lý bùn thải (chất thải nguy hại):

單價包括汙水處理及污泥壓干運輸處理費用（危害廢物）

5.1.A. Đơn giá xử lý nước thải:

汙水處理單價

Đơn giá xử lý nước thải tính cho 1 m³ (một mét khối) và theo chỉ số COD trong nước thải của bên B, cụ thể như sau:

1m³ 汙水處理單價及按照乙方汙水 COD 參數：具體如下：

- Chỉ số COD từ 200 mg/l trở xuống: 7.432 VNĐ
- Chỉ số COD từ 201 mg/l đến 300 mg/l: 8.612 VNĐ
- Chỉ số COD từ 301 mg/l đến 400 mg/l: 9.791 VNĐ
- Chỉ số COD từ 401 mg/l đến 500 mg/l: 10.971 VNĐ
- Chỉ số COD từ 501 mg/l đến 600 mg/l: 12.151 VNĐ

- COD 指數低於 200 mg/l: 7.432 VNĐ
- COD 指數自 201-300 mg/l: 8.612 VNĐ
- COD 指數自 301-400 mg/l: 9.791 VNĐ
- COD 指數自 401-500 mg/l: 10.971 VNĐ
- COD 指數自 501-600 mg/l: 12.151 VNĐ

5.1 B. Đơn giá ép bùn và vận chuyển xử lý bùn thải:

5.1.B. 污泥壓干及運輸處理費用:

Đơn giá ép bùn và vận chuyển xử lý bùn thải:

污泥壓干及汙水處理費用

Đơn giá ép khô mỗi tấn 1.264.626 VNĐ/tấn bùn ép

-壓乾單價 每噸 1.264.626 越盾/噸

Đơn giá thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý bùn thải sau khi ép 2,500,000 VNĐ/tấn bùn ép.

請壓干後由合法的污泥運輸單位進行處理 2,500,000 越盾/壓干噸。

Hàng tháng hoặc 2 tháng, bên C thông báo cho công ty xử lý bùn thải đến trạm xử lý nước thải vận chuyển bùn thải đến địa điểm hợp pháp xử lý. Căn cứ vào khối lượng bùn thải thực tế sau khi đã ép khô, tiền xử lý bùn thải của tất cả doanh nghiệp xả vào hệ